

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

XUNG HỒ TRONG GIAO TIẾP CỦA HỒ CHÍ MINH
THỜI KÌ Ở THÁI LAN (1928-1929)(Qua tư liệu kịch bản phim “*Thầu Chín ở Xiêm*”)

NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN* - SONGGOT PAANCHIANGWONG**

TÓM TẮT: Bài viết vận dụng lí thuyết xung hồ và vai giao tiếp để khảo sát tư liệu kịch bản phim “*Thầu Chín ở Xiêm*” và từ đó chỉ ra các kiểu xung hồ của nhân vật Thầu Chín - Hồ Chí Minh trong thời kì ở Thái Lan (1928 - 1929). Căn cứ để chúng tôi xác định các kiểu xung hồ của nhân vật là dựa vào 13 kiểu xung hồ thường gặp trong giao tiếp của tác giả Nguyễn Văn Khang. Kết quả khảo sát cho thấy, nhân vật Thầu Chín sử dụng 8/13 kiểu xung hồ ứng với từng hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng giao tiếp... Xung hồ của nhân vật Thầu Chín có sự chuyển đổi rất linh hoạt. Từ việc phân tích các kiểu xung hồ và các cặp xung hồ, chúng tôi bước đầu nhận định: văn hóa giao tiếp của nhân vật Thầu Chín - Hồ Chí Minh vừa mang tính truyền thống, vừa mang hiện đại; vừa mang tính nhân văn, nhân bản vì con người vừa cứng rắn, đanh thép, khéo léo.

TỪ KHÓA: xung hồ; giao tiếp; Hồ Chí Minh; thời kì; Thái Lan.

NHẬN BÀI: 15/1/2019.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/5/2019

1. Đặt vấn đề

Xung hồ trong giao tiếp là cách chỉ thị ngôi nhân xưng, nhờ đó mà quy chiếu được các nhân vật tham gia giao tiếp. R.Brown và A.Gilman (1976) sau khi điểm lại quá trình hình thành và biến đổi của quan niệm, cách xưng hô trong một số ngôn ngữ như trong tiếng Pháp cổ, tiếng Tây Ban Nha cổ, tiếng Ý cổ, tiếng Bồ Đào Nha cổ, tiếng Anh thời trung cổ đã đề nghị hai chữ T và V (từ hai từ *tu* và *vos* trong tiếng Latin) làm hai kí hiệu chung cho đại từ chỉ sự thân hữu và đại từ chỉ sự quyền lực trong tất cả các ngôn ngữ [1, tr.228-231]. Trong mối quan hệ phi đối xứng của quyền lực, người ở vị thế cao nhận V còn người ở vị thế thấp nhận T. Để minh họa cho mối quan hệ giữa xung hồ và vai quyền lực, tác giả đã đưa ra một số ví dụ như: Ở châu Âu trung cổ nhìn chung giới quý tộc dùng T để gọi dân và được gọi lại là V. Ông chủ của một hộ gia đình dùng T với các nô lệ, người hầu và được nhận lại là V; Ở Ý thế kỉ XV, tội nhân dùng V để gọi các linh mục còn linh mục gọi họ là T...[đt 2, tr.92].

Xung hồ trong tiếng Việt chịu áp lực mạnh của chuẩn mực xã hội. Chuẩn mực xã hội chi phối việc lựa chọn từ ngữ xưng hô của các cá nhân trong tương tác xã hội. Hiện nay, ở Việt Nam có một số hướng nghiên cứu về xung hồ trong giao tiếp như:

Thứ nhất, nghiên cứu về sự chi phối của vai giao tiếp trong việc lựa chọn và sử dụng từ xưng hô. Vận dụng khái niệm “quyền thế” và “kết liên” để xem xét cách xưng gọi trong giao tiếp của người Việt, tác giả Nguyễn Văn Khang đã nhận định: “Các từ dùng để xưng hô trong giao tiếp tiếng Việt bao gồm không chỉ các đại từ nhân xưng “gốc” mà còn có rất nhiều từ khác loại chuyển sang, trong đó chú ý là nhóm từ thân tộc” và “Hầu hết các từ xưng hô tiếng Việt “được” phân bố cách sử dụng theo thang độ quyền thế, kết liên, lịch sự... ở trong “xưng” lẫn “gọi”. Vì thế, thông qua cách sử dụng từ xưng hô có thể thấy được thái độ, quan điểm của các thành viên tham gia giao tiếp” [3, tr.211]. Cùng với việc chỉ ra 13 kiểu xung hồ và những nhân tố chi phối việc lựa chọn từ xưng hô - đây được xem là nghiên cứu có tính chất nền tảng cho nghiên cứu xung hồ từ góc độ vai giao tiếp ở giai đoạn tiếp sau. Cùng hướng nghiên cứu này còn có các tác giả: Vũ Tiên Dũng [2], Phạm Trọng Thường [5]...

Thứ hai, từ góc độ văn hóa dân tộc Việt Nam có thể kể đến: Phạm Trọng Thường (1998), “*Các cách xưng hô trong tiếng Nùng*” [5]; Lê Thanh Kim (2002), “*Từ xưng hô và cách xưng hô trong phương ngữ tiếng Việt*” [6]...

Thứ ba, nghiên cứu xung hồ trong phạm vi giao tiếp gia đình và xã hội có thể kể đến: Tác giả Nguyễn Văn Khang (1996) với “*Nghi thức lời nói trong giao tiếp gia đình người Việt*”, Khuất Thị Lan (2014) “*Xung hô trong giao tiếp vợ chồng nông dân người Việt (trên cơ sở một số tác phẩm văn học giai đoạn 1930 - 1945)*”,...

* TS; Đại học Udon Thani Rajabhat - Thái Lan; Email: hongchuyennnvn.tn@gmail.com

** PGS.TS; Đại học Udon Thani Rajabhat - Thái Lan; Email: songgot.2449@gmail.com

Qua nghiên cứu xưng hô trong phạm vi gia đình và xã hội, chúng tôi nhận thấy các tác giả có chung nhận định: hoàn cảnh giao tiếp khác nhau sẽ chi phối và quy định các xưng hô của nhân vật trong hội thoại. Có thể nói, xưng hô trở thành điều kiện đầu tiên, quan trọng nhất trong việc nhận diện và xác lập vai giao tiếp của đối tượng.

Khi nghiên cứu về vai giao tiếp, các nhà nghiên cứu nhận thấy: vai giao tiếp trước hết là vai xã hội. Vai xã hội chịu sự quy định bởi địa vị của cá nhân trong mối quan hệ với các thành viên. Địa vị của cá nhân xác định giá trị xã hội của cá nhân trong nhóm. Tác giả Nguyễn Văn Khang nhận định: “*Với tư cách là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội, là một thực thể đa chức năng, mỗi một người có rất nhiều vai từ gia đình đến xã hội... Tất cả những mối quan hệ đan xen ấy làm nên một mạng các quan hệ với rất nhiều vai khác nhau*” [3, tr.371].

Kịch bản “Thầu Chín ở Xiêm (do Hãng phim Hội Điện ảnh Việt Nam sản xuất) kể về thời hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Thái Lan trong những năm 1928-1929. Tại đây, Người đã xây dựng cơ sở cách mạng, chuẩn bị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3/2/1930. Bộ phim do đạo diễn trẻ Bùi Tuấn Dũng thực hiện, được chính thức ra mắt công chúng trong Tuần phim Kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2015).

Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng lí luận về vai giao tiếp để chỉ ra các kiểu xưng hô của nhân vật Thầu Chín trong giao tiếp dựa trên tư liệu là kịch bản phim “Thầu Chín ở Xiêm” của đạo diễn Bùi Tuấn Dũng - Hãng phim Hội Điện ảnh Việt Nam. Từ đó, góp phần khẳng định giá trị văn hóa trong giao tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Nội dung

2.1. Xưng hô trước hết là một hành động giao tiếp thể hiện lối ứng xử văn hóa của con người trong cộng đồng nói năng nhất định. Hành động ngôn ngữ ấy được hiện thực hóa qua các dạng thức ngôn ngữ.

Tiếng Việt là ngôn ngữ có hệ thống từ xưng hô khá phức tạp. Vì vậy, việc đưa ra một kiểu xưng hô chung là vấn đề khó. Tuy nhiên qua thực tiễn nghiên cứu, tác giả Nguyễn Văn Khang đã quy thành một số kiểu xưng hô thường gặp trong giao tiếp như sau: A/Xưng hô bằng họ + tên, gồm: (1) Xưng hô bằng tên; (2) Xưng hô bằng họ; (3) Xưng hô bằng tên đệm + tên; (4) Xưng hô bằng họ + tên; (5) Xưng hô bằng họ + tên đệm + tên; B/Xưng hô bằng tất các từ dùng để xưng hô, gồm: (6) các đại từ nhân xưng; (7) Các từ thân tộc dùng làm từ xưng hô; (8) Các từ khác được dùng làm từ xưng hô; C/Xưng hô bằng các chức danh, gồm: (9) Gọi bằng một trong các chức danh; (10) Gọi bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh; D/Xưng hô bằng tên của người thân thuộc như tên của chồng, vợ, con (cách gọi thay vai); (11) Gọi tên của người thân thuộc (chồng, vợ, con); E/Xưng hô bằng sự kết hợp (1), (2), (3), (4); (12) Gọi bằng các kết hợp khác nhau (thí dụ: chức danh + tên, chức danh + họ tên, từ xưng hô + họ tên/ tên); F/Xưng hô bằng sự khuyết vắng từ xưng hô: (13) Không xuất hiện từ xưng hô trong giao tiếp (khuyết vắng từ xưng hô). [3, tr.362].

Với tư cách là biến thể, ngôn ngữ nhân vật Thầu Chín có thể được xem là ngôn ngữ toàn dân được thể hiện trong một nhóm đối tượng. Chính vì vậy, bên cạnh các đặc điểm xưng hô có tính toàn dân, xưng hô nhân vật mang những đặc trưng riêng.

Tiến hành khảo sát kịch bản phim “Thầu Chín ở Xiêm” [12], chúng tôi thu được 30 cuộc thoại ở phạm vi thực hiện công tác tuyên truyền và trong sinh hoạt đời thường với các cặp vai: Thầu Chín với cán bộ cùng tổ chức; Thầu Chín với đồng bào Việt Kiều ở Thái Lan; Thầu Chín với người nước ngoài; Thầu Chín với tay sai của Pháp. Vận dụng 13 kiểu xưng hô của tác giả Nguyễn Văn Khang phân loại các kiểu xưng hô xuất hiện trong 30 cuộc thoại.

2.2. Các kiểu xưng hô trong giao tiếp của nhân vật Thầu Chín

Khảo sát 30 cuộc thoại giữa nhân vật Thầu Chín với các đối tượng khác trong kịch bản phim đã nêu, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Các kiểu xưng hô trong giao tiếp của nhân vật *Thầu Chín* với các nhân vật khác

TT	Kiểu xưng hô	Xưng (chủ thể tự xưng)			Hô (khách thể giao tiếp)		
		Từ ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %	Từ ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %
1.	Bằng tên riêng	0	0	0	Tùng	1	1,4
2.	Bằng họ + tên	0	0	0	Lê Mộc, Võ Tùng	2	2,8
3.	Bằng đại từ nhân xưng	tôi, chúng ta, mình, tất cả chúng ta	54	77,1	0	0	0
4.	Bằng danh từ thân tộc	0	0	0	ông, các ông, anh, cô, cụ, các cụ, các ông bà, O, anh em, anh chị em	33	45,8
5.	Bằng các từ khác	kẻ hậu sinh, vãn bối.	2	2,9	mọi người	1	1,4
6.	Bằng một trong các chức danh	đồng chí, tiểu sinh	2	2,9	thầy, tiên sinh, đồng chí, đồng bào, các đồng chí	18	25,0
7.	Bằng sự kết hợp khác	chúng ta là những người đồng bào; đều là nòi giống Lạc Hồng; là con Rồng cháu Tiên; người cách mệnh	4	5,8	ông Lữ Thế Hanh; một người Hoa; một đảng anh hùng; anh Võ Tùng; đồng bào đây; người một nước; con một nhà; con gái Việt	8	11,1
8.	Khuyết vắng từ xưng hô		8	11,3		9	12,5

Dựa vào thống kê, chúng tôi nhận thấy: nhân vật *Thầu Chín* sử dụng 8/13 kiểu xưng hô, trong đó: nhân vật sử dụng 5/13 kiểu để xưng và 7/13 kiểu để hô. Cụ thể:

Khi xưng, nhân vật *Thầu Chín* sử dụng: 5/13 kiểu xưng hô (5/8 kiểu được sử dụng để xưng hô), trong đó: kiểu xưng hô *bằng đại từ nhân xưng* là chủ yếu (54/70 lượt, chiếm 77,1%); *khuyết vắng xưng hô* xuất hiện 8/70 lượt, chiếm 11,3%; *sự kết hợp khác* xuất hiện 4/70 lượt, chiếm 5,8%; *bằng các từ khác* và *bằng một trong các chức danh* đều xuất hiện 2/70 lượt, chiếm 2,9%; không xuất hiện các kiểu xưng: *bằng tên riêng*; *bằng họ + tên*; *bằng danh từ thân tộc*.

Trong hô, nhân vật sử dụng 7/13 kiểu xưng hô (7/8 kiểu được sử dụng để xưng hô) trong đó, kiểu xưng hô *bằng danh từ thân tộc* xuất hiện 33/72 lượt, chiếm 45,8%; *bằng một trong các chức danh* xuất hiện 18/72 lượt, chiếm 25,0%; *khuyết vắng từ xưng hô* xuất hiện 9/72 lượt, chiếm 12,5%; *sự kết hợp khác* xuất hiện 8/72 lượt, chiếm 11,1%; *bằng họ + tên* xuất hiện 2/72 lượt, chiếm 2,8%; *bằng tên riêng* và *bằng các từ khác* cùng xuất hiện 1/72 lượt, chiếm 1,4%; Không xuất hiện xưng hô *bằng đại từ nhân xưng*.

Các kiểu xưng và hô của nhân vật *Thầu Chín* có sự khác nhau và linh hoạt chuyển đổi tùy theo hoàn cảnh, đối tượng, mục đích... giao tiếp khác nhau.

Bảng 2. Các kiểu xưng hô trong giao tiếp của các nhân vật khác với nhân vật *Thầu Chín*

TT	Kiểu xưng hô	Xưng (chủ thể tự xưng)			Hô (khách thể giao tiếp)		
		Từ ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %	Từ ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Bằng họ + tên	0	0	0	Võ Tùng, Võ Long, Nguyễn Trung.	3	3,5

2	Bằng đại từ nhân xưng	<i>tôi, ta,, tui, chúng tôi, chúng ta, ngài (Sir) (*)</i>	36	62,1	0	0	0
3	Bằng danh từ thân tộc	0	0	0	<i>ông, bà con, anh em, các anh em, cụ</i>	17	20,0
4	Bằng các từ khác	<i>bây tui, lũ chúng ta</i>	2	3,4	<i>mọi người, đàn bà.</i>	2	2,4
5	Bằng một trong các chức danh	0	0	0	<i>tiên sinh, thầy/thầy; nhà buôn; các đồng chí, tiểu anh hùng</i>	36	42,4
6	Bằng sự kết hợp (1), (2), (3), (4)	0	0	0	<i>tụi anh, ông Thầu Chín, Cụ Tú Hứa, anh Thuyền, thầy Chín, Cụ Tú, O Nho, người An Nam</i>	13	15,3
7	Bằng sự kết hợp khác	<i>tôi là Nguyễn Trung; Chúng tôi là người Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội; tôi - người vùng Hương Sơn</i>	3	5,2	<i>ông là người Việt; anh ấy là Lê Mộc; một người đồng hương của chúng ta; bạn tôi thương nhân bên Tàu; ông thầy Kách mệnh; hai đồng chí lãnh đạo của chi hội ở vùng Viêng Chăn.</i>	5	5,9
8	Khuyết vắng từ xưng hô		17	29,3		9	10,5

Dựa vào thống kê, chúng tôi nhận thấy: các nhân vật khác khi tương tác (giao tiếp) với nhân vật Thầu Chín cũng sử dụng 8/13 kiểu xưng hô. Tuy nhiên, các nhân vật này không xuất hiện kiểu xưng hô bằng tên mà xuất hiện kiểu xưng hô bằng sự kết hợp kiểu (1), (2), (3), (4) (Kiểu xưng hô 11 theo quan điểm của tác giả Nguyễn Văn Khang). Trong đó, khi xưng các nhân vật sử dụng 4/13 kiểu xưng hô và khi hô sử dụng 7/13 kiểu xưng hô. Cụ thể:

Khi xưng, các nhân vật sử dụng 4/8 kiểu xuất hiện trong xưng hô, trong đó: kiểu xưng *bằng đại từ nhân xưng* xuất hiện 36/58 lượt, chiếm 62,1%; *khuyết vắng xưng hô* xuất hiện 17/58 lượt, chiếm 29,3%; *bằng sự kết hợp khác* 3/58 lượt, chiếm 5,2%; *bằng các từ khác* 2/58 lượt, chiếm 3,4%.

Khi hô, các nhân vật sử dụng 7/8 kiểu xuất hiện trong xưng hô, trong đó: xưng hô *bằng một trong các chức danh* xuất hiện nhiều nhất 36/85 lượt, chiếm 42,4%; *bằng danh từ thân tộc* 17/85 lượt, chiếm 20,0%; *bằng sự kết hợp (1), (2), (3), (4)* xuất hiện 13/85 lượt, chiếm 15,3%; *khuyết vắng xưng hô* 9/85 lượt, chiếm 10,5%; *bằng sự kết hợp khác* 5/85 lượt, chiếm 5,9%; *bằng họ + tên* 3/85 lượt, chiếm 3,5%; *bằng các từ khác* 2/85 lượt chiếm 2,4%. Không xuất hiện kiểu hô *bằng đại từ nhân xưng*.

Căn cứ vào 2 bảng kết quả khảo sát xưng hô của nhân vật Thầu Chín và các nhân vật khác trong phim, chúng tôi phân tích, lí giải chiến lược xưng hô và văn hóa trong giao tiếp của nhân vật Thầu Chín như sau:

2.3. Chiến lược xưng hô và văn hóa trong giao tiếp của nhân vật Thầu Chín

Khảo sát 30 cuộc thoại của nhân vật Thầu Chín và các nhân vật khác trong phim “Thầu Chín ở Xiêm”, chúng tôi xác định tương tác giao tiếp của nhân vật Thầu Chín tập trung vào 4 nhóm nhân vật khác. Tùy từng nhóm nhân vật, hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp mà nhân vật Thầu Chín sử dụng các chiến lược xưng hô phù hợp.

2.3.1. Tương tác nhân vật Thầu Chín và cán bộ cùng tổ chức

Giai đoạn 1928-1929, Hồ Chí Minh rời Trung Quốc và lên đường sang Thái Lan xây dựng cơ sở cách mạng, chuẩn bị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2/1930.

Kết quả khảo sát có 14/30 cuộc thoại giữa nhân vật Thầu Chín và các nhân vật thuộc cùng tổ chức cộng sản (*Sư Ba, Võ Tùng, Đặng Thái Thuyền, Đặng Thúc Hứa, Nguyễn Trung, Võ Long, Lê Mộc, Chử, Mẫn*). Tuy nhiên, dưới sự chi phối của các nhân tố: *tuổi tác, hoàn cảnh, ...* việc lựa chọn từ xưng hô của nhân vật Thầu Chín có sự linh hoạt, cụ thể:

1/Đối với nhân vật là tiền bối, người cao tuổi

Khi giao tiếp với nhân vật Sư Ba (người chiến sĩ yêu nước từng tham gia phong trào của Phan Đình Phùng và do phong trào thất bại bị đàn áp nên lưu lạc sang đất Xiêm), Thầu Chín sử dụng 2 kiểu xưng hô để xưng: bằng đại từ nhân xưng (*tôi, mình, chúng ta*) và bằng các từ khác (*kẻ hậu sinh*). Khi hô, nhân vật Thầu Chín chỉ sử dụng một kiểu xưng hô duy nhất: xưng hô bằng chức danh (*thầy*). Lí giải điều này là do: Sư Ba là sư trụ trì của ngôi chùa thuộc bản Đông trên đất Thái Lan và kính trọng nhà sư là truyền thống văn hóa của người Thái Lan; Đồng thời, Sư Ba cũng là một trong những người yêu nước từng tham gia phong trào đấu tranh của cụ Phan Đình Phùng. Điều này thể hiện rõ trong cặp từ xưng hô "*bạch thầy - kẻ tiểu sinh*" mà nhân vật Thầu Chín sử dụng. Tuy nhiên theo diễn tiến của cuộc thoại và nội dung giao tiếp có sự thay đổi, Thầu Chín đã sử dụng các cặp từ xưng hô "*thầy - tôi/ chúng ta*" nhằm kéo gần khoảng cách giữa nhân vật mình và Sư Ba: từ mới quen sang gần gũi thân thiết - người đồng chí. Sự thành công của cách thay đổi chiến thuật xưng hô này được ghi dấu bởi sự "*đồng thuận*" của Sư Ba. Ví dụ 1:

Thầu Chín: A di đà phật!...Bạch thầy, trà ướp hoa ngâu, thơm quá! Lâu lắm kẻ hậu sinh mới được thưởng loại trà này.

Sư Ba hơi mỉm cười, trạc 60, vóc dáng quắc thước, mặt quay về phía tượng Phật, không nhìn về phía Thầu Chín.

Sư Ba: A di đà phật!

Hai người đi dạo trong vườn chùa. Sư Ba mỉm cười chỉ mấy cái cây đang lấp lánh dưới ánh trăng nói giọng Hà Tĩnh.

*Sư Ba: **Bản tăng** vì nhớ quê hương nên đưa hoa ngâu, hoa mộc sang trồng. Những đêm trăng sáng, hương ngâu hương mộc thoảng bay, nhớ quê lắm!*

(...)

*Thầu Chín: Thưa, từ lúc ra đi, **thầy** đã lần nào về thăm cố hương chưa?*

Sư Ba lắc đầu hơi nghẹn ngào. Thầu Chín cũng lặng đi.

*Thầu Chín: **Tôi** cũng đã mười bảy năm chưa về nước.*

Giờ là lúc hai người nhớ về cố quốc. Họ ngồi như hai chiếc bóng.

(...)

Khi giao tiếp với nhân vật Đặng Thúc Hứa (một Việt Kiều cao tuổi tại Xiêm và giàu lòng yêu nước), Thầu Chín lại có sự linh hoạt trong cách xưng hô. Cụ thể, nhân vật sử dụng 3 kiểu hô để xưng: bằng các từ khác (*văn bối, tiểu sinh*); bằng danh từ thân tộc: "*tôi*". Khi hô sử dụng 3 kiểu xưng hô: bằng chức danh (*tiên sinh*); bằng danh từ thân tộc (*cụ*); bằng kết hợp khác (một đáng anh hùng). Cách xưng hô này tạo nên các cặp xưng hô rất "*đắt*": "*tiên sinh - văn bối*", "*tiên sinh/ cụ/ đáng anh hùng - tôi*"... và đáp lại nhân vật Đặng Thúc Hứa xưng hô với nhân vật Thầu Chín rất thân tình: "*tôi/ chúng tôi - tiểu anh hùng/ thầy/ anh hùng*" và đặc biệt cách xưng hô "*lũ chúng ta*" thể hiện sự thân tình và gần gũi như ruột thịt. Điều này thể hiện chiến lược xưng hô của nhân vật Thầu Chín vô cùng linh hoạt và hiệu quả. Ví dụ 2:

*Đặng Thúc Hứa: **Tiểu anh hùng!** Nghe danh **thầy** đã lâu, nay mới có duyên gặp mặt. **Lũ chúng ta** giờ đã có hoa tiêu, thuyền không sợ lạc bến nữa.*

Thầu Chín vội đỡ tay cụ Hứa: Xin tiên sinh đừng làm vậy! Văn bối còn phải cậy nhờ từ các bậc cha chú như tiên sinh.

Cụ Tú Hứa xua tay.

Đặng Thúc Hứa: Xưa nay, anh hùng không đợi tuổi, thầy chả nên khiêm tốn! Đội trời đạp đất bốn bề năm châu, không màng lợi danh phú quý, lo cho dân cho nước, xứng danh anh hùng!

Thầu Chín: Tiên sinh cũng là một đấng anh hùng! Ngày trước, thân phụ tôi khi chuyện trò với cụ Đặng Nguyên Cẩn cũng thường nhắc nhiều đến tiên sinh...

Nghe nói, mặt Hứa buồn hẳn. [11]

2/Đối với đồng chí cùng thế hệ

Trương tác giữa nhân vật Thầu Chín và các nhân vật cũng tổ chức xuất hiện 12/30 cuộc thoại. Trong đó, nhân vật đã có sự quen biết hoặc lần đầu gặp (*Võ Tùng, Đặng Thái Thuyết, Nguyễn Trung, Võ Long, Lê Mộc, Chử, Mẫn*). Đối với các nhân vật này, cách xưng hô của Thầu Chín có sự khác nhau, cụ thể:

Đối với nhân vật Võ Tùng - từng theo học lớp chính trị của Thầu Chín tại Quảng Châu, Thầu Chín sử dụng cách xưng hô rất thân tình: khi xưng sử dụng cách xưng hô bằng đại từ nhân xưng: “tôi”. Khi hô, Thầu Chín sử dụng cách xưng hô rất đa dạng và thân thiết: bằng tên “Tùng”; bằng họ + tên “Võ Tùng”; bằng danh từ thân tộc “anh”. Nhân vật Võ Tùng sử dụng cặp từ xưng hô: “tôi” - “thầy” thể hiện sự kính trọng đối với Thầu Chín. Cách xưng hô thân tình, lịch sự, gần gũi và suồng sã. Ví dụ 3:

Thầu Chín: Tùng!... Võ Tùng!... là anh sao?

Thầu Chín và Võ Tùng ôm chặt nhau thân thiết.

Hai người ngồi xuống, Võ Tùng vẫn chưa hết xúc động.

Võ Tùng: Năm ngoái, anh Hồ Tùng Mậu bị Quốc dân đảng bắt, chúng tôi rất lo cho thầy. Tin tức từ Quảng Châu mù mịt. Giờ gặp thầy ở đây là ngoài sức tưởng tượng.

Thầu Chín mỉm cười. [11]

Đối với các đồng chí mới có sự quen biết nhất định, nhân vật Thầu Chín sử dụng kết hợp các kiểu xưng hô: bằng đại từ nhân xưng; bằng danh từ thân tộc và bằng một trong các chức danh trong xưng hô và tạo nên các cặp xưng hô “tôi/ chúng ta/ ta - anh em”; “tôi - đồng chí/ các đồng chí”. Các nhân vật như: Đặng Thái Thuyết, Chử, Mẫn, Lê Mộc sử dụng kết hợp 2 kiểu xưng hô: bằng đại từ nhân xưng và bằng một trong các chức danh tạo nên cặp xưng hô “tôi - thầy”. Cách xưng hô này mang tính lịch sự, trân trọng. Ví dụ 4:

Thầu Chín: Chào các đồng chí. Các đồng chí vượt sông có vất vả không?

Cùng lúc đó ánh nến loé lên, cho thấy gương mặt Thầu Chín.

Hai đồng chí Lào xúc động.

Đặng Thái Thuyết: Thưa thầy, đây là hai đồng chí lãnh đạo của Chi hội ở Viêng Chăn.

Thầu Chín chủ động bước tới, ôm chặt Chử và Mẫn.

Chử: Thầy còn nhớ tôi không? Tôi học lớp huấn luyện của thầy ở Quảng Châu.

Thầu Chín xúc động. [11]

2.3.2. Đối với Việt kiều sống tại Xiêm

Đối với Việt kiều sống tại Xiêm, nhân vật Thầu Chín sử dụng các cách xưng hô như: bằng đại từ nhân xưng; bằng sự kết hợp (1), (2), (3), (4); bằng sự kết hợp khác. Các kiểu xưng hô này được kết hợp tạo thành các cặp từ xưng hô: “tôi - anh Võ Tùng”, “chúng ta - đồng bào/ những người đồng chí/ đồng bào”. Đặc biệt, cách xưng hô bằng “đồng chí” và “đồng bào” được nhân vật Thầu Chín sử dụng sau cách hô gọi: *chúng ta là những người đồng bào, đều là nòi giống Lạc Hồng, là con Rồng cháu Tiên* đã thực sự đem lại hiệu quả trong sự gắn kết, sự trân trọng và mang lại hiệu quả cuối cùng: người dân nhận con người đang truyền đạt này là “ông thầy Kách mệnh” và tin tưởng đi theo lí tưởng, con đường đúng đắn đem lại tự do cho dân tộc mình.

Đối với những Việt kiều sẵn tâm lòng yêu nước, Thầu Chín lại sử dụng cách xưng hô rất thân tình: xưng hô theo tập quán của địa phương. Điều này thể hiện rõ trong cách xưng hô của Thầu Chín với nhân vật O Nho, O Hoàn - những người che chở và chăm sóc miếng ăn, giấc ngủ cho mình khi ở bán Đông. Ví dụ 5:

Thầu Chín: Cơm nước cho anh em vất vả không o?

O Nho: Dạ, có chỉ mô. Chỉ thương anh em làm cực mà ăn uống kham khổ quá...

Thầu Chín: Ủ! Minh kiếm ra tiền. Nhưng phải dành dụm lo gây dựng cơ sở, đón người trong nước sang, nuôi anh em kiều bào xa tới sinh hoạt, học tập. [11]

Cặp từ xưng hô “mình” - “O” thể hiện sự thân tình, gần gũi, thân thiết, đầm ấm giữa những thân quen. Dường như, người xem cảm thấy sự ấm áp, gần gũi như người cùng một gia đình trong cách xưng hô này.

2.3.3. Đối với người nước ngoài

Có 2/30 cuộc thoại ghi nhận tương tác giữa Thầu Chín với nhân vật người nước ngoài. Đó là nhân vật: quý cô người Anh, Tây say. Điểm nổi bật trong các tương tác này là nhân vật Thầu Chín sử dụng tiếng Anh và tiếng Pháp trong giao tiếp. Cách xưng hô này thể hiện tài năng cũng như sự tôn trọng đối với người nước ngoài. Điểm đặc biệt trong các tương tác này là sự khẳng định vị thế cá nhân, vị thế dân tộc Việt thể hiện rất rõ. Tính trang trọng, lịch sự, khéo léo nhưng cũng hết sức cứng rắn trước những cử chỉ, hành động sai trái của Tây say. Ví dụ 6:

Thầu Chín (tiếng Pháp): Thưa ông! Ông nghĩ đây là đâu?

(Monsieur! OÙ croyez -vous être?)

Tây say (tiếng Pháp): ... Đông Dương!

(... En Indochine.)

Thầu Chín nhìn thẳng vào hắn nhẹ nhàng, chậm rãi.

2.3.4. Đối với nhân vật tay sai của Pháp

Trong phim, tương tác giữa nhân vật Thầu Chín và nhân vật tay sai của Pháp (Paul Hùng) xuất hiện 2/30 cuộc thoại và ở hai tình huống khác nhau. Ở hai tình huống này, nhân vật Thầu Chín sử dụng 2 ngôn ngữ khác nhau để đối đáp. Đặc biệt, mã ngôn ngữ có phần lệch nhau thể hiện khá tương đối rõ thái độ, cũng như quan điểm của Thầu Chín. So sánh 2 ví dụ 7 và 8:

<p>Ví dụ 7: <i>Paul Hùng: Pardon !... Je vous prie de m'excuser.</i> <i>Sorry!...I'm sorry..</i> <i>Thầu Chín nhìn thẳng vào mặt Paul Hùng rành rọt.</i> <i>Thầu Chín: Anh cứ nói với tôi bằng tiếng Việt.</i> <i>Paul Hùng giật mình.</i> <i>Paul Hùng: Ông là người Việt?</i> <i>Thầu Chín gật đầu.[11]</i></p>	<p>Ví dụ 8: <i>Paul Hùng (tiếng Pháp): Chào ông! ... Thế giới thật là nhỏ bé nhỉ?</i> <i>(Bonjour !... Le monde est si petit, n'est ce pas ?)</i> <i>Thầu Chín khẽ mỉm cười gật đầu chào.</i> <i>Thầu Chín (tiếng Pháp): Nó đủ rộng cho cả ông và tôi. Chào ông! Súng đẹp đấy!</i> <i>(Il est suffisamment grand et pour vous et pour moi...)</i> <i>Bonjour ! Votre flingue est beau à voir.)</i> <i>Paul Hùng hơi giật mình, đẩy khẩu súng vào sâu trong vạt áo.</i> <i>Paul Hùng: Sao hôm nay ông không nói tiếng Việt?</i> <i>Thầu Chín: Tôi muốn quý cô đây hiểu ông và tôi đang nói chuyện gì.</i> <i>Paul Hùng tỏ ra coi thường. [11]</i></p>
--	--

Trong 2 ví dụ trên, nhân vật Thầu Chín sử dụng các cặp xưng hô “tôi - anh”, “tôi - ông” không mang tính lịch sự, trân trọng mà mang tính xa cách, mỉa mai. Cách xưng hô này của Thầu Chín tạo ra khoảng cách khác biệt giữa mình và Paul Hùng trên trục vị thế. Ở đây, Paul Hùng là nhân vật tay sai - thân Pháp và là kẻ phản quốc.

Như vậy, qua phân tích các tương tác xưng hô, chúng tôi nhận thấy: cách xưng hô của Hồ Chí Minh vô cùng linh hoạt, uyển chuyển và khéo léo. Tùy vào từng đối tượng giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp, Thầu Chín lựa chọn cho mình cách xưng hô phù hợp và hiệu quả cách xưng hô này mang lại phù hợp với mục đích: 1. Kéo gần khoảng cách với các đối tượng tương tác cùng chí hướng; 2. Kéo gần và ổn định vị thế với những đối tượng không cùng chí hướng và phản quốc. Từ đó, góp phần thể hiện vẻ đẹp nhân văn, nhân bản trong văn hóa giao tiếp của nhân vật Thầu Chín qua phim “Thầu Chín ở Xiêm” nói

riêng và văn hóa giao tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có phong cách và kỹ năng giao tiếp giản dị, gần gũi, ân cần, cởi mở, tế nhị và chu đáo với mọi người; tình cảm chân thành, thái độ khoan dung độ lượng; xử lý một cách khéo léo, hiệu quả các tình huống giao tiếp xảy ra. Có thể khẳng định: Chính những điều này đã tạo nên sức hấp dẫn lớn lao và sự cảm hóa ở Người.

3. Kết luận

Xung hô của nhân vật Thầu Chín qua phim "*Thầu Chín ở Xiêm*" là một trong những yếu tố ngôn ngữ đầu tiên thể hiện vẻ đẹp văn hóa trong giao tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xuất hiện 8/13 kiểu xung hô trong xung hô của nhân vật Thầu Chín với 4 nhóm nhân vật (Thầu Chín với cán bộ cùng tổ chức; Thầu Chín với đồng bào Việt Kiều ở Thái Lan; Thầu Chín với người nước ngoài; Thầu Chín với tay sai của Pháp). Với từng nhóm nhân vật trên, nhân vật Thầu Chín đã sử dụng các kiểu xung hô khác nhau nhằm kéo gần hoặc kéo dài khoảng cách trong giao tiếp. Điều này thể hiện sự linh hoạt, nhạy bén và uyển chuyển trong giao tiếp của Hồ Chí Minh. Từ đó thể hiện nét đặc trưng văn hóa giao tiếp, văn hóa xung hô của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Văn hóa giao tiếp của nhân vật Thầu Chín - Hồ Chí Minh vừa mang tính truyền thống, vừa mang hiện đại; vừa mang tính nhân văn, nhân bản vì con người vừa cứng rắn, đanh thép, khéo léo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown G. & Gilman A. (1960), *Đại từ chỉ quyền lực và thân hữu*, Ngôn ngữ văn hóa và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành (Người dịch: Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Tử Quân; hiệu đính: Cao Xuân Hạo, Lương Văn Hy, Lý Toàn Thắng - 2006), Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 224-249.
2. Vũ Tiến Dũng (2003), *Lịch sử trong tiếng Việt và giới tính (Qua một số hành động nói)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Holmes, J (1988), *Playing compliment: A sex - preferential politeness strategy*, Journal of pragmatics, Vol.12, pages 445-465.
4. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Phạm Ngọc Thương (1998), *Các cách xưng hô trong tiếng Nùng*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Lê Thanh Kim (2002), *Từ xưng hô và cách xưng hô trong các phương ngữ tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ.
7. Như Ý (1990), *Vai xã hội và ứng xử trong giao tiếp*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3, tr.1-3.
8. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học- ngữ dụng* (tập 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Lương Thị Hiền (2014), *Những hướng nghiên cứu quyền lực trong giao tiếp ngôn ngữ*, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Trịnh Cẩm Lan (2016), *Chức năng ngữ dụng của các biểu thức xưng hô trong giao tiếp bèn bè của học sinh Hà Nội (Nghiên cứu trường hợp học sinh trường THPT Đông Đa*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, tr.50-63.
11. Ngữ liệu: Bùi Tuấn Dũng (2014), *Kịch bản phim "Thầu Chín ở Xiêm"*, Hãng phim Hội Điện ảnh Việt Nam.

Vocatives used by Ho Chi Minh when he was in Thailand (1928-1930)

(Through the film script of "*Ho Chi Minh in Siam*")

Abstract: The article uses theories of vocative and communicative roles to examine the film script of "Ho Chi Minh in Siam", then points out the vocative forms of Thau Chin - Ho Chi Minh during his time in Thailand (1928-1930). To determine the vocative forms of the character, the research is based on the 13 common vocative forms in communication established by Nguyen Van Khang. The results of survey show the character of Thau Chin used 8/13 vocative forms corresponding to each communication situation and participant... The vocative of Thau Chin has a very flexible transition. From the analysis of vocative forms and vocative pairs, we initially find the communicative culture of Thau Chin - Ho Chi Minh both traditional and modern; it is not only humane, but also hard, tough, and sensible when confronting power and violence.

Key words: vocative; communication; Ho Chi Minh; period; Thailand.